## 1. Thân trước (Thân trước, lắp mặt ngoài cửa)

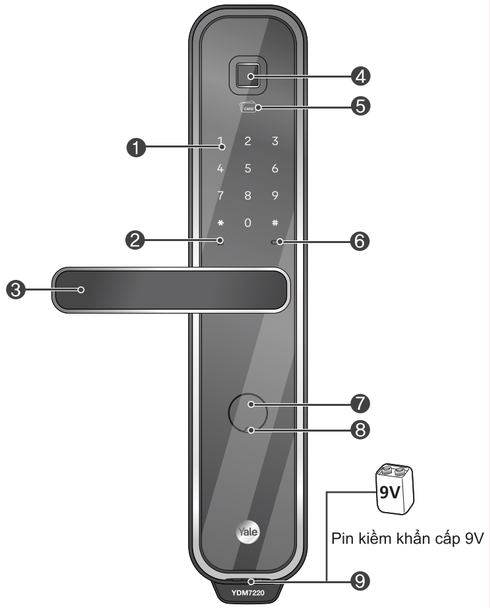


## 2. Thành phần

**Thành phần**

Thân trước

Thân chính

Thân khóa

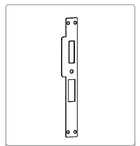
Bas

- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn lắp đặt
- 4 pin AA
- 4 thẻ
- 2 chìa cơ
- Vít

**Phụ kiện tùy chọn**

- Remote Controller
- Remote Control Module
- Bluetooth Module

## 3. Đặc điểm kỹ thuật

| Phần | Đặc điểm kỹ thuật | Chú ý |
|---|---|---|
| **Thân trước** | 68(W) X 335(H) X 64.5(D) mm | Vận hành ở nhiệt độ -15~55°C (5~131 °F) |
| **Thân chính** | 72(W) X 344(H) X 36(D) mm | |
| **Pin** | 4 pin Alkaline 1.5V (điện áp hoạt động 4.5 - 6V) | |
| **Sản phẩm tùy chọn** | Điều khiển từ xa | |

Tuổi thọ của pin phụ thuộc vào nhiệt độ, độ ẩm, tần suất sử dụng và chất lượng pin.

## 4. Thân chính (Thân chính, lắp mặt trong cửa)

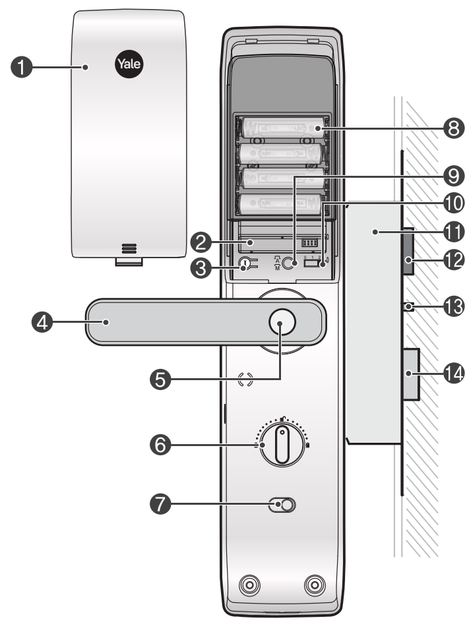


## 5. Thân trước

| | |
|---|---|
| ❶ | Bàn phím |
| ❷ | Đèn báo kẹt chốt chết |
| ❸ | Tay gạt |
| ❹ | Cảm biến vân tay |
| ❺ | Đầu đọc thẻ |
| ❻ | Đèn báo pin yếu |
| ❼ | Nắp chìa khóa khẩn cấp |
| ❽ | Khe cắm chìa khóa cơ khẩn cấp khẩn cấp |
| ❾ | Cấp nguồn khẩn cấp |

## 5. Thân chính

| | |
|---|---|
| ❶ | Nắp pin |
| ❷ | Rãnh nâng cấp điều khiển từ xa |
| ❸ | Nút đăng nhập |
| ❹ | Tay gạt |
| ❺ | Nút tay nắm an toàn |
| ❻ | Núm vặn tay nắm |
| ❼ | Công tắc khóa bên trong |
| ❽ | Pin |
| ❾ | Nút khóa tay / tự động |
| ❿ | Công tắc điều khiển âm thanh |
| ⓫ | Thân khóa |
| ⓬ | Chốt cửa |
| ⓭ | Cảm ứng khóa tự động |
| ⓮ | Chốt chết |

## 7. Bảng điều khiển

**Chế độ "Chủ":** Chỉ người nào biết "Mã chủ" mới có thể cài đặt.
**Chế độ "thông thường":** Không cài đặt đặc biệt cho người nào, ai biết "mã người dùng" đều có thể cài đặt.
**Chế độ "khách":** Khác với chế độ người dùng và chỉ cấp cho khách.
**Chế độ "một lần":** Chỉ dùng mở khóa một lần sau đó tự động xóa.
**Số người dùng lẻ:** Có 2 chữ số (như 01, 02, ...) Khi đăng ký người dùng nhóm nhóm trước đó, số người dùng lẻ để phân biệt cá nhân và cung cấp mã riêng.

| | |
|---|---|
| | Chạm vào bàn phím của thân trước bằng lòng bàn tay |
| ✳ | Nhấn vào ✳ trên bàn phím |
| # | Nhấn phím # trên bàn phím |
| Ⓘ | Nhấn phím Ⓘ (Đăng ký) trước mỗi bước bắt đầu hay hoàn thành mỗi mục |
| CARD | Nhập Thẻ người dùng (Lên đến 100 thẻ) |
| F | Nhập Vân tay người dùng (Lên đến 100 vân tay) |
| U PIN CODE | Nhập mã người dùng (Lên đến 100 mã PIN) (4-10 số) |
| M PIN CODE | Nhập Mã chủ (4-10 số) |
| V PIN CODE | Nhập Mã khách (chỉ 4 số) |
| O PIN CODE | Nhập mã một lần (chỉ 4 số) |
| UN | Người dùng lẻ chỉ 2 số (như "01", "02", ...) |
| | Xoay khu vực để thêm tính năng |

## 8. Tính năng sản phẩm

**Vân tay một chạm**
Bảo mật với vân tay một chạm.
Cảm biến với vân tay bảo mật hơn và nhạy hơn.

**Ứng dụng Yale Access**
Việc quản lý và kiểm soát khóa sẽ dễ dàng hơn bao giờ hết, không bị giới hạn khoảng cách, chỉ cần cài đặt ứng dụng Yale Access trên thiết bị di động của bạn.

**Bàn phím thông minh - Khóa tự động**
Cửa tự động khóa khi chạm tay vào bàn phím.

**Tính năng Đóng băng 3 phút**
Sau 5 lần mở khóa không thành công do nhập mã sai, chế độ Khóa 3 phút sẽ được kích hoạt.

**Quy tắc thông minh**
Để nhập mã số trên bàn phím và mở khóa ở chế độ im lặng.

**Mã PIN giả**
Nâng cấp để cài đặt bất cứ số nào trước hay sau khi nhập một mã số. Với chức năng này, người dùng có thể giảm lo lắng bị lộ mã số.

**Chức năng chống làm phiền**
Khi kích hoạt chế độ này thì bên ngoài không thể mở khóa bằng mã số, thẻ từ, vân tay. Chỉ có thể mở bằng chìa cơ.

**Chức năng báo động**
Chức năng báo động khi cố tình mở khóa từ bên trong. Khi kích hoạt chế độ này chuông báo động sẽ kêu khi khóa từ bên trong.

**Hướng dẫn bằng giọng nói**
Chức năng hướng dẫn bằng giọng nói trong quá trình cài đặt khóa, điều chỉnh chức năng.

**Other features and Benefits**
- Remote Controller (Optional):
  This option may not be available depending on your country or local dealer.
- Network Module/Controller (Optional):
  It allows door lock to connect with Home network controller.
- Intrusion/Broken Alarm.
- Low Battery Alarm and Emergency Power Supply.

## 9. Bảng điều khiển nhanh (Chế độ thông thường)

Chế độ thông thường thuận tiện cho bất kỳ ai cài đặt khóa cửa. Ngoài mã số người dùng, hai chế độ khác có thể cài đặt (Mã khách, Mã 1 lần). Cài chế độ bình thường là chế độ mặc định.

1 → 12 ( Bước cài đặt ) ✳ Tiếp tục / Ⓘ Hoàn thành

| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Mã người dùng** | | | | | | | | | | | | Chỉ 1 người dùng |
| Cài đặt | Ⓘ | U PIN CODE New | Ⓘ | Bấm Ⓘ => nhập mã số chủ mới => bấm Ⓘ | | | | | | | | |
| **Thẻ** | | | | | | | | | | | | Lên đến 100 người dùng |
| Cài đặt | Ⓘ | CARD | Ⓘ | Bấm Ⓘ => quét tất cả thẻ muốn cài lên khóa => bấm Ⓘ | | | | | | | | |
| **Vân tay** | | | | | | | | | | | | Lên đến 100 người dùng |
| Cài đặt | Ⓘ | ✳ | F 8times | ✳ OR Ⓘ | Bấm Ⓘ => bấm * => chạm vân tay 8 lần => bấm * hoặc Ⓘ | | | | | | | |
| **Mã khách** | | | | | | | | | | | | Chỉ 1 người dùng |
| Cài đặt | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 1 # | 1 # V PIN CODE # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |
| Xóa | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 1 # | 3 # U PIN CODE # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |
| **Mã một lần** | | | | | | | | | | | | Chỉ 1 người dùng, tự động xóa sau khi dùng |
| Cài đặt | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 2 # | 1 # O PIN CODE # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |
| Xóa | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 2 # | 3 # U PIN CODE # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |
| **Xóa tất cả dữ liệu (Vân tay, Thẻ)** | | | | | | | | | | | | |
| Xóa tất cả vân tay | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 3 # | 1 # U PIN CODE # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |
| Xóa tất cả thẻ | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 3 # | 2 # U PIN CODE # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Cài đặt ngôn ngữ** | | | | | | | | | | | | |
| Cài đặt | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 4 # | 5 # | 1 Hàn Quốc # ✳ OR Ⓘ<br>2 Trung Quốc # ✳ OR Ⓘ<br>3 Tiếng Anh # ✳ OR Ⓘ<br>4 Đài Loan # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | |
| **Cài đặt Bluetooth (Ứng dụng Yale Access)** | | | | | | | | | | | | |
| Cài đặt | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 7 # | Cài đặt 1 thiết bị mới | | | | | | | | |
| **Điều khiển từ xa** | | | | | | | | | | | | Lên đến 5 người dùng |
| Cài đặt | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 8 # | 1 # SET Button # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |
| Xóa | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 8 # | 3 # U PIN CODE # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |
| **Điều khiển bằng thiết bị thông minh trong nhà** | | | | | | | | | | | | |
| Cài đặt | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 9 # | 1 # Cont roller # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |
| Xóa | U PIN CODE Mã số chủ | Ⓘ | 9 # | 3 # U PIN CODE # ✳ OR Ⓘ | | | | | | | | |

**Làm thế nào để nhấn nút cài đặt điều khiển điều khiển từ xa ?**
Nhấn nút (đăng ký) cài đặt nằm tại mặt trước của điều khiển từ xa. Bạn có thể nhấn nó bằng cách dùng 1 cái ghim như hình bên.

**Please note following when pairing lock with Yale Access App.**

- Depending on product type or FW version, app registration and door lock connection in normal mode may not be possible, so if registration is not possible, change from normal mode to master mode and try again.
  [ App Registration in Master Mode: Master Pin Code-> Ⓘ (Registration Button)-> 7 -> # ]
- Because Yale Access Bluetooth App is only available in master mode, user code automatically changes to master code when registering APP in normal mode.
- Please be informed that all registered credentials will be deleted when changing mode or registering and deleting app.

## 10. Mở khóa bằng mã

## 11. Mở khóa bằng vân tay / thẻ

## 12. Tính năng tay cầm an toàn

**Hủy bỏ chế độ tay nắm an toàn**

- Lấy lục giác trong bộ khóa
- Nhấn và giữ nút tay nắm an toàn
- Mở vít ngay cạnh tay nắm theo chiều kim đồng hồ

**Kích hoạt tay nắm an toàn**

- Lấy lục giác trong bộ khóa
- Vặn vít ngay cạnh tay nắm ngược chiều kim đồng hồ đến khi nút nhấn nhô ra hoàn toàn

## 13. Mở cửa (Bên trong / Bên ngoài)

**Mở cửa bên ngoài**

Xoay tay gạt để mở cửa

**Mở cửa bên trong**

**Mở cửa khi đã bỏ chế độ tay nắm an toàn:**
Kéo và giữ tay nắm an toàn
Sau đó nhấn và mở cửa

**Mở cửa khi đã cài chế độ tay nắm an toàn:**
Nhấn tay nắm phía trong và mở cửa

**Khóa bên trong**

Đóng cửa sau đó gạt nút xoay về vị trí khóa

## 14. Mở cửa với chế độ im lặng

## 15. Khóa cửa

**Chế độ khóa tự động (Bên trong / Bên ngoài)**

Khi cài đặt chế độ khóa tự động, cảm ứng khóa sẽ nhận biết cửa đang đóng và khóa cửa tự động trong vòng 5 giây

**Chế độ khóa bằng tay**

Cửa sẽ khóa khi chạm lòng bàn tay vào bàn phím (bên ngoài)

Xoay núm vặn (bên trong)

## 16. Cài đặt khóa tự động / bằng tay

**Cài đặt khóa tự động**

Phục hồi nút bấm (nổi lên).

**Cài đặt khóa bằng tay**

Nhấn giữ nút bấm (chìm phẳng mặt)

## 17. Mở khóa bằng mã giả

Chạm bàn tay → Nhập mã người dùng và mã giả → OR → Nhập mã giả và mã người dùng → Chạm bàn tay

## 18. Khóa từ bên ngoài

**Khóa từ bên ngoài bằng cài đặt vân tay**

Chạm bằng vân tay đã được đăng ký và giữ lại đến khi nghe 3 tiếng bíp.

**Khóa từ bên ngoài bằng mã người dùng**

Chạm bàn tay → Nhập mã người dùng → Kết thúc bằng phím #

**Khóa từ bên ngoài bằng thẻ**

Chạm thẻ vào đầu đọc 5 giây đến khi nghe 3 tiếng bíp.

**Bỏ chế độ Khóa từ bên ngoài**

Khi cửa được mở từ bên ngoài bằng cách xác thực đúng, chế độ khóa từ bên ngoài sẽ tự động bỏ.

## 19. Cài đặt âm lượng

Âm báo hướng dẫn hoạt động khóa có thể điều chỉnh bằng nút âm lượng.

0 1 2 : Lớn  0 1 2 : Nhỏ  0 1 2 : Im lặng

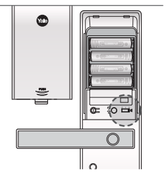

## 20. Chế độ đóng băng 3 phút

Sau 5 lần mở không thành công vì nhập sai mã hoặc vân tay, chế độ đóng băng bàn phím 3 phút sẽ tự động được kích hoạt.

**Bỏ chế độ Khóa 3 phút**

- Mở cửa bằng tay gạt bên trong.
- Mở cửa bằng chìa cơ.
- Nhấn giữ nút (I)

## 21. Báo động

Báo động có đột nhập: Âm báo phát ra khi có ngoại lực cố mở cửa.

Báo động khóa bị phá hoại: Âm báo phát ra khi mặt khóa bị tháo rời.

**Bỏ âm báo**

- Nhập mã người dùng đã đăng ký.
- Nhấn giữ (I) trong 5 giây.
- Chạm vân tay đã được đăng ký vào mắt đọc.
- Đưa thẻ đã đăng ký đến đầu đọc.

## 22. Cấp nguồn khẩn cho khóa

Tiếp pin 9V trực tiếp + chạm bàn tay → Nhập mã PIN + chạm bàn tay OR Đưa thẻ lại gần OR Sử dụng vân tay

## 23. Cấp nguồn

**Kích thước pin thức tế**
1.5V(LR6) Alkaline AA Battery

Sử dụng được khoảng 1 năm nếu tần suất đóng mở 10 lần mỗi ngày. (Khuyến cáo sử dụng pin Alkaline đúng chuẩn)

* *Vui lòng vứt bỏ pin đã sử dụng*

**Cần thay pin trong các trường hợp sau:**

* Đèn LED báo hiệu pin yếu nhấp nháy đỏ.

* Khi có tín nhắn báo pin yếu.

NẾU THAY PIN BẰNG LOẠI PIN KHÔNG ĐÚNG CÓ THỂ GÂY NỔ PIN.
DÙNG PIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG PHẢI THEO MÃ HAY CHƯƠNG TRÌNH TÁI CHẾ QUỐC GIA.

## 24. Bảng mã (nhân đôi nếu cần)

| Quản lý mã PIN (lên đến 100 người dùng) | | |
|---|---|---|
| Phân loại người dùng | Tên | Mã PIN |
| Chủ | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |
| Người dùng... | | |

## 25. Bảng tùy chọn nhanh (Chế độ chủ)

Đây là chế độ chỉ quản trị viên mới có thể cài đặt khoá và cung cấp mã người dùng: 100 mã PIN, 100 thẻ, 100 vân tay, quyền đăng ký / xóa mã số 1 lần, đảm bảo quản lý hiệu quả khách ra vào.

1 → 14 ( Bước cài đặt ) ✱ Tiếp tục / (I) Hoàn thành

| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chế độ Mã thường sang Mã chủ** | | | | | | | | | | | | | | |
| Phương thức | U PIN CODE | (I) | 4 | # | 1 | # | M PIN CODE New | # | M PIN CODE Again | (I) | | | | |
| **Đổi Mã chủ** | | | | | | | | | | | | | Chỉ 1 người dùng | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 1 | # | M PIN CODE New | # | M PIN CODE Again | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| **Mã người dùng** | | | | | | | | | | | | | Lên đến 100 người dùng | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 2 | # | 1 | # | UN | # | U PIN CODE | # | ✱ | OR (I) | | |
| Xóa | | | | | 3 | # | UN | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| **Vân tay** | | | | | | | | | | | | | Lên đến 100 người dùng | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 3 | # | 1 | # | 1 | # | UN | # | 8times | ✱ | OR (I) | |
| Xóa | | | | | | | 3 | # | UN | # | ✱ | OR (I) | | |
| **Thẻ** | | | | | | | | | | | | | Lên đến 100 người dùng | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 3 | # | 2 | # | 1 | # | UN | # | CARD | # | ✱ | OR (I) |
| Xóa | | | | | | | 3 | # | UN | # | ✱ | OR (I) | | |
| **Mã một lần** | | | | | | | | | | | | | Chỉ 1 người dùng, tự động xóa sau khi dùng | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 4 | # | 1 | # | 0 PIN CODE | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| Xóa | | | | | 3 | # | M PIN CODE | # | ✱ | OR (I) | | | | |

※ UN Số ký tự người dùng : định dạng bằng 2 chữ số.
VD: 01, 02, ...Người dùng thứ 100 sẽ đánh dấu là 00.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Xóa tất cả dữ liệu** | | | | | | | | | | | | | | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 5 | # | M PIN CODE | # | ✱ | OR (I) | | | | | | |
| **Cài đặt ngôn ngữ** | | | | | | | | | | | | | | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 6 | # | 5 | # | 1 Hàn Quốc | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| | | | | | | | 2 Trung Quốc | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| | | | | | | | 3 Tiếng Anh | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| | | | | | | | 4 Đài Loan | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| **Cài đặt Bluetooth** | | | | | | | | | | | | | | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 7 | # | Cài đặt 1 thiết bị mới | | | | | | | | | |
| **Điều khiển từ xa** | | | | | | | | | | | | | Up to 5 Users | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 8 | # | 1 | # | UN | # | SET Button | # | ✱ | OR (I) | | |
| Xóa | | | | | 3 | # | UN | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| **Bộ điều khiển** | | | | | | | | | | | | | | |
| Cài đặt | M PIN CODE | (I) | 9 | # | 1 | # | Cont roller | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| Xóa | | | | | 3 | # | M PIN CODE | # | ✱ | OR (I) | | | | |
| **Chuyển sang chế độ thường (từ chế độ chủ)** | | | | | | | | | | | | | | |
| Phương thức | M PIN CODE | (I) | 6 | # | 1 | # | U PIN CODE New | # | U PIN CODE Again | (I) | | | | |

※ Chức năng hướng dẫn bằng giọng nói: làm cho việc sử dụng dễ dàng hơn, tránh thao tác sai.

※ Tất cả mã số, thẻ, vân tay đã đăng ký có thể được xóa tại thời điểm thay đổi chức năng.

※ Vui lòng lắp đặt mạng khi sử dụng điều khiển từ xa hoặc Bộ điều khiển.

## 26. Ghi chú quan trọng

KHÔNG lắp khóa điện tử ở ngoài trời

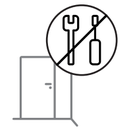

KHÔNG cố tự tháo rời khóa điện tử

KHÔNG dùng nước / dung môi như xăng, ben-zen, cồn để lau sản phẩm vì có thể gây hư hỏng mạch điện, xói mòn / tróc sơn.

KHÔNG dùng vật gì đập vào khóa

Khi sử dụng mã PIN để mở khóa, hãy đảm bảo không bị ai nhìn trộm

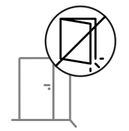

Kiểm tra cửa đã đóng hoàn toàn trước khi rời đi

## 27. Cảnh báo và An toàn

- Không lắp khóa điện tử ngoài trời.
- Không tự tháo rời khóa. Nếu làm vậy có thể bị giật hoặc làm hư sản phẩm.
- Không dùng vật / dụng cụ đập mạnh vào sản phẩm.
- Đảm bảo cửa đã khóa trước khi ra ngoài.
- Cẩn thận không đụng mạnh vào tay nắm vì có thể gây chấn thương.
- Không dùng nước hay bất kỳ dung môi nào (xăng, ben-zen, ...) để lau rửa sản phẩm vì có thể gây hỏng mạch điện, xói mòn hoặc tróc sơn.
- Nên thay đổi mã số định kỳ.
- Ở chế độ khóa bằng tay, đảm bảo kiểm tra dữ liệu cửa (đã được khóa hoàn toàn chưa)
- Khi chế độ khóa ngoài được cài đặt và mở khóa, chế độ báo động tự động kích hoạt.
- Không dùng pin sạc. Nên dùng pin kiềm.
- Không bảo hành các sản phẩm dùng trong môi trường & điều kiện đặc biệt (đã được cảnh báo như: độ ẩm cao, gần môi trường biển)
- Đảm bảo làm theo hướng dẫn để tránh bị chấn thương.

Yale

# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

**YDM7220**

Thẻ / Vân tay / Mã số / Chìa cơ

Part of ASSA ABLOY

PLEASE READ INSTRUCTIONS BEFORE USE.
The functions and design of this product can be changed without prior notice for performance and quality improvement.

Packaging of this product can be recycled.

**WEEE Note:**
Waste electrical products should not be disposed of with household waste. Please recycle where facilities exist. Check your local authority or retailer for recycling advice.

CE

ISL-1857-00-005